



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Sonadezi Giang Điền

Ngày 31/03/2024	31,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.8%	-	-9.7%

DT thuần Q1/24
92.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.90 4.5%
YoY: ▲ 7.20 8.5%

LN thuần Q1/24
45.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.4 -20.0%
YoY: ▲ 3.90 9.3%

LN sau thuế Q1/24
36.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.6 -24.1%
YoY: ▲ 3.00 8.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
50.8%
YoY: +/- ▼ 17.6%

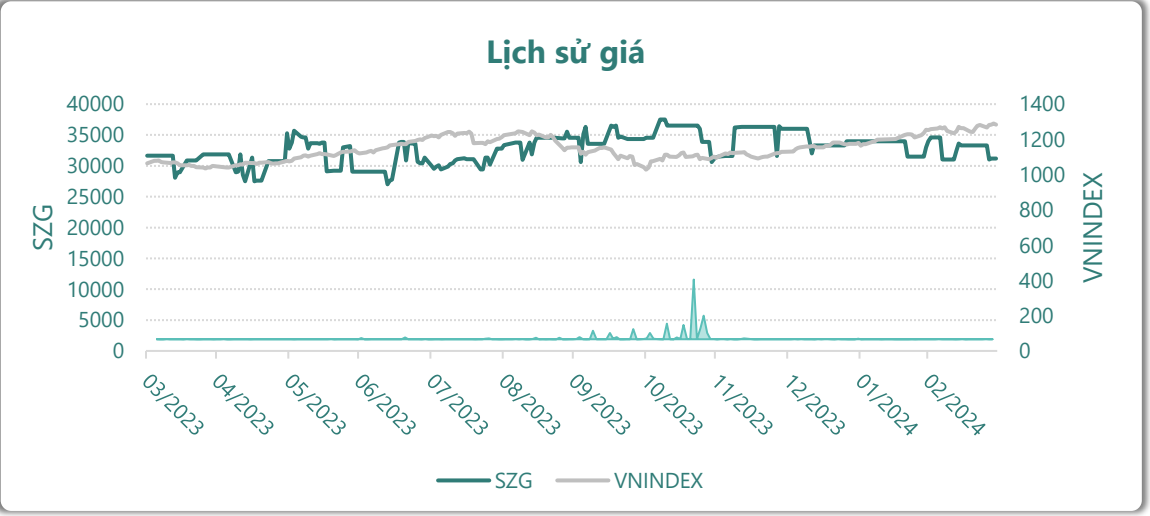
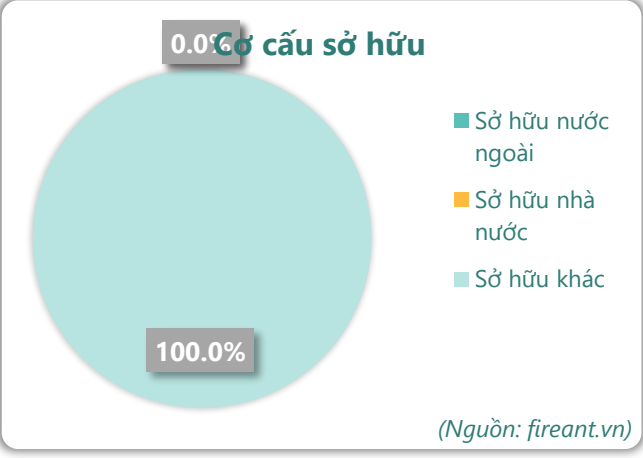
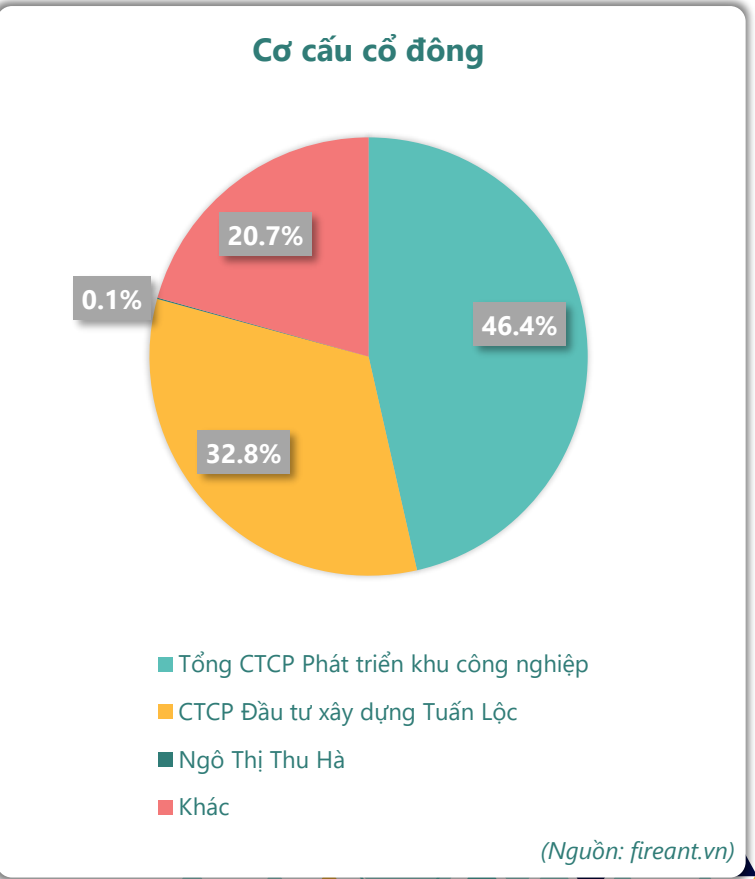
ROE (TTM) Q1/24
25.2%
YoY: +/- ▼ 0.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	27,007 - 37,510
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,713
Số lượng CPLH (CP)	54,898,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.11
EPS	3,511
P/E	8.9

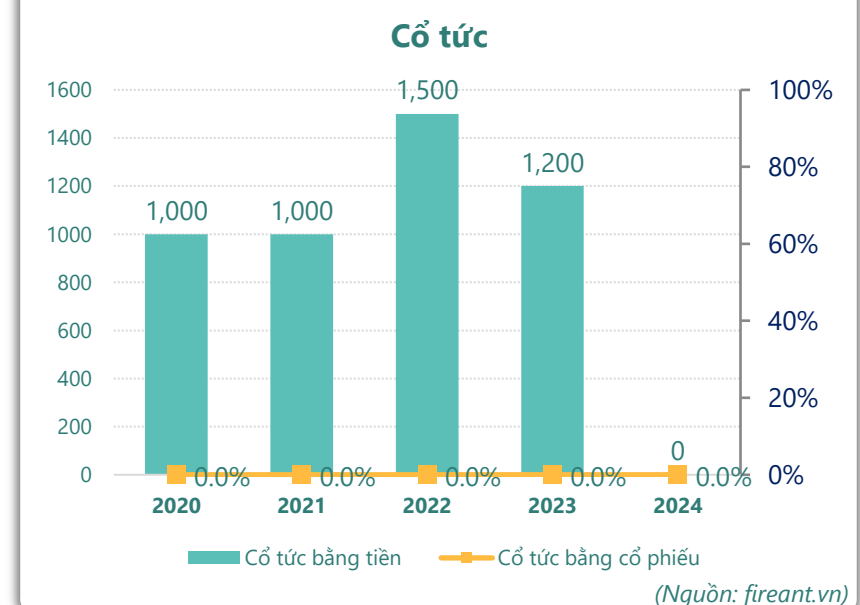
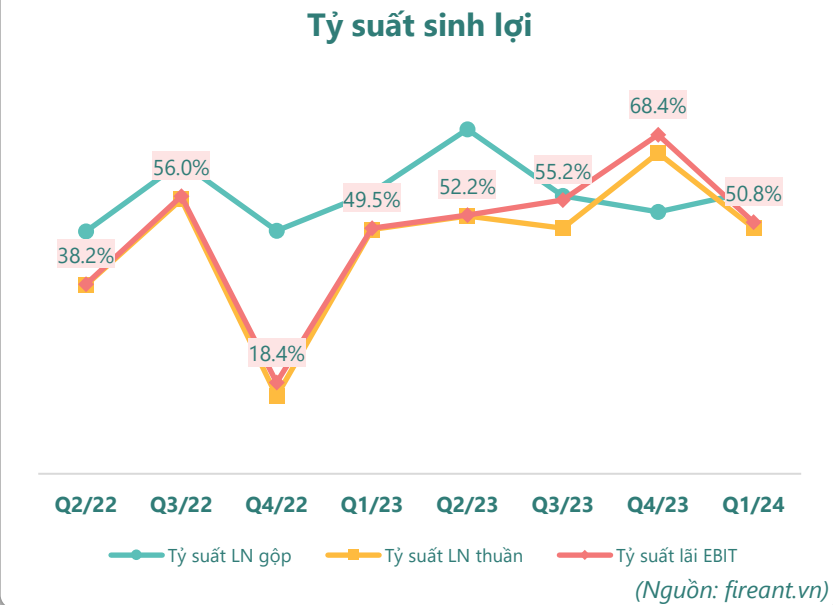
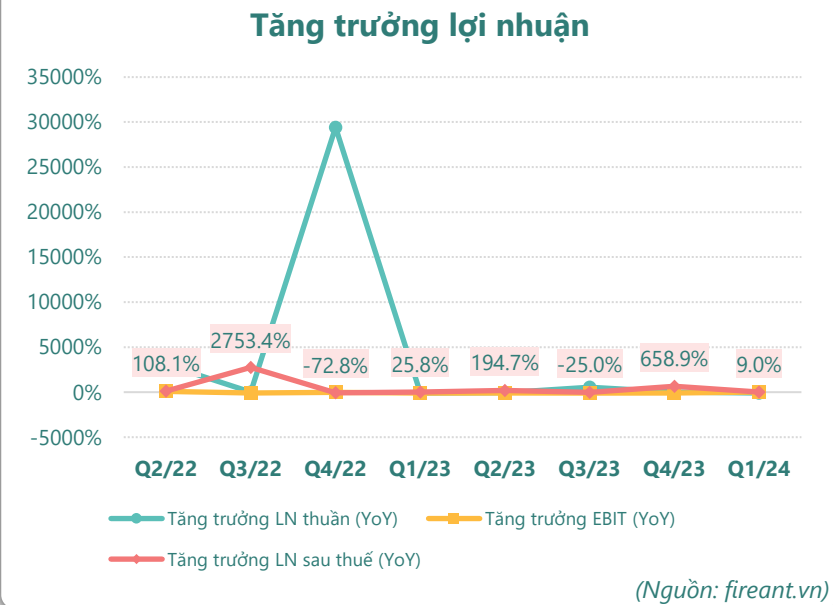
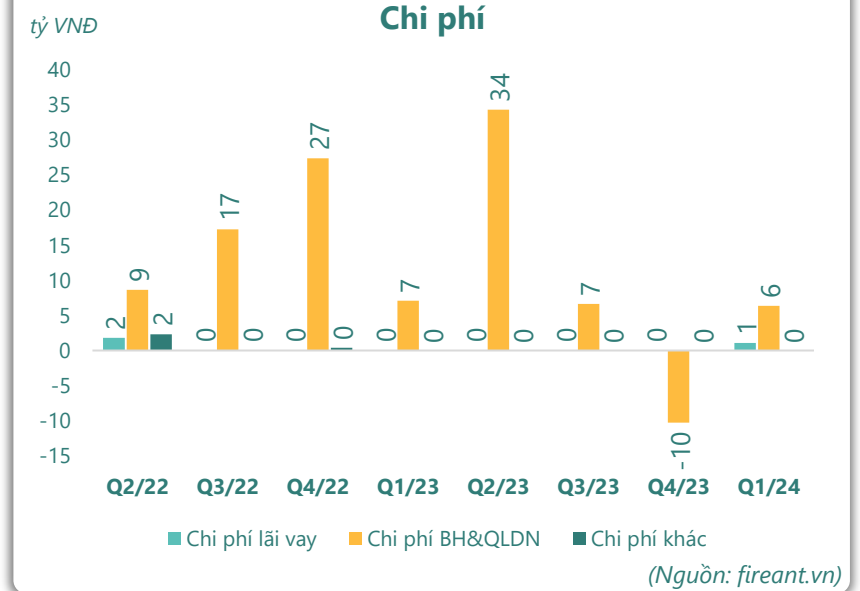
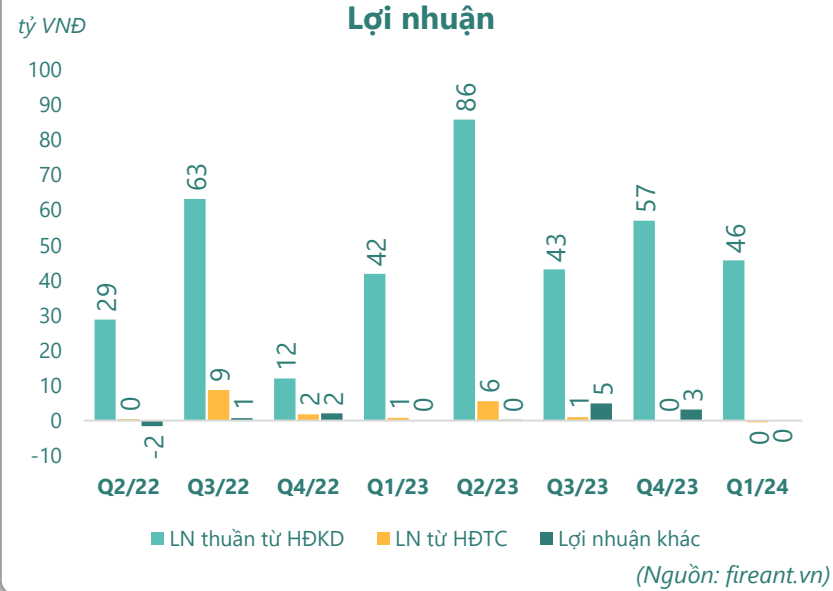
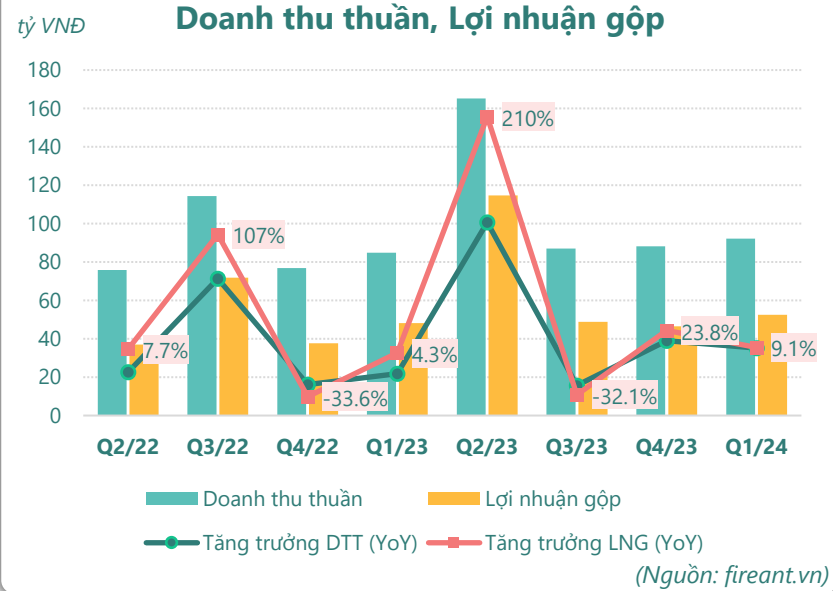
DT thuần 2023
425
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 60.0 16.5%

LN thuần 2023
228
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 91.0 66.2%

LN sau thuế 2023
190
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 79.0 71.6%



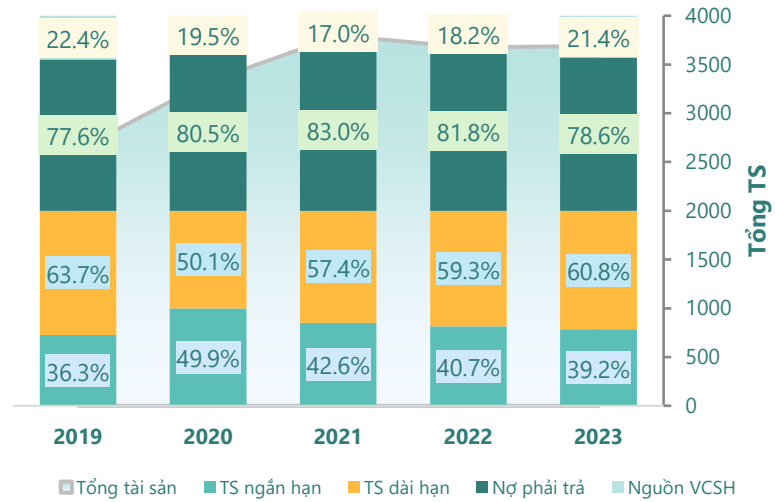
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

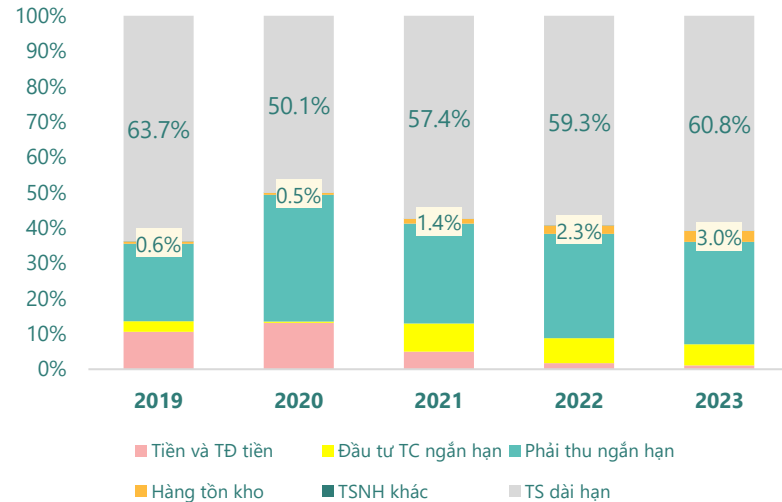
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

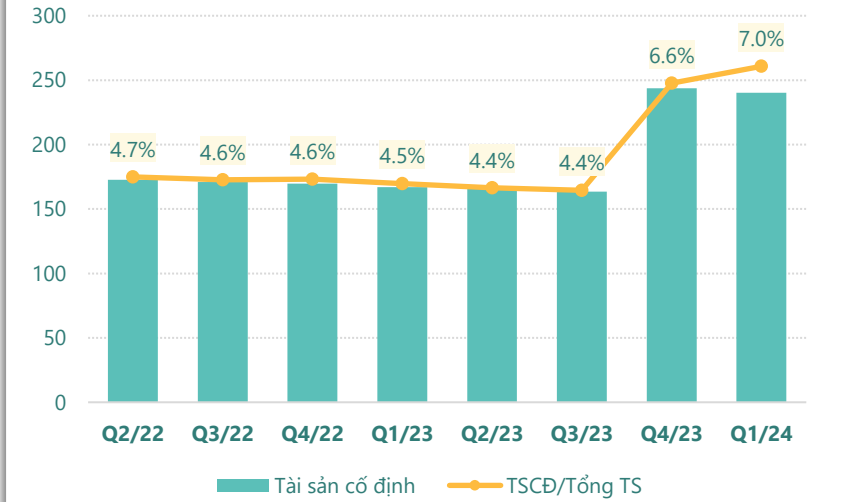
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

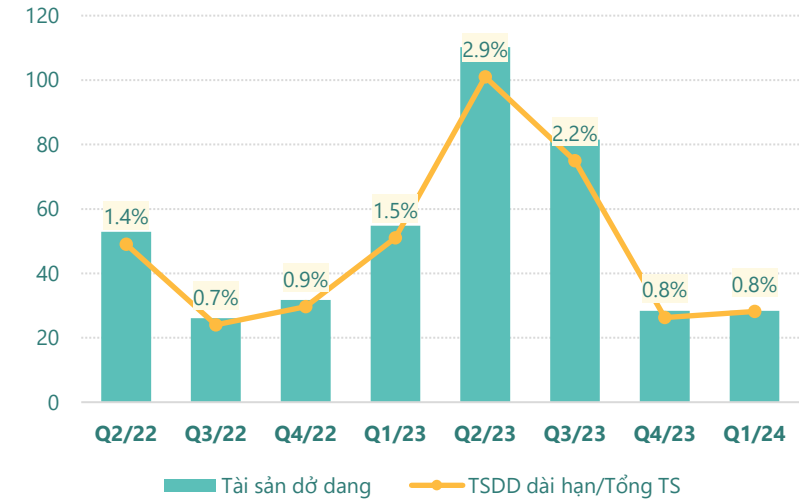
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

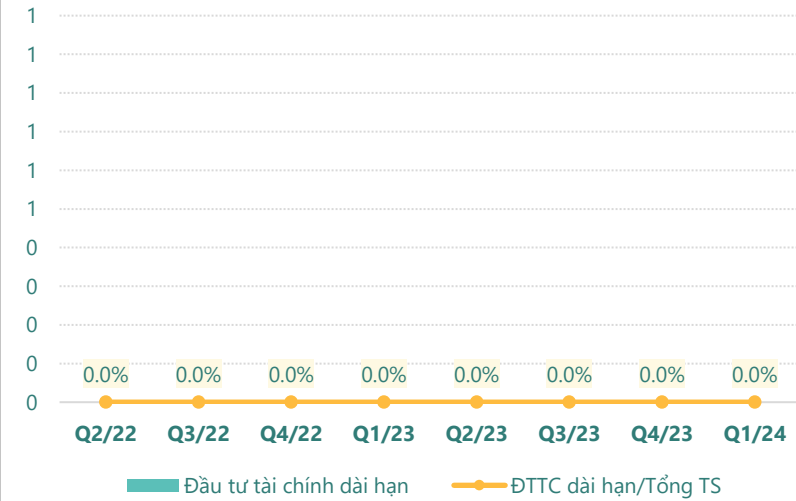
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

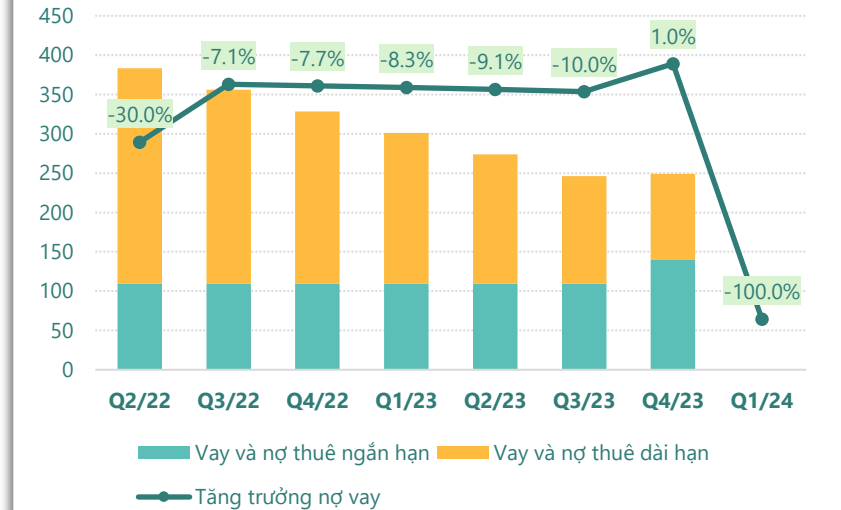
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

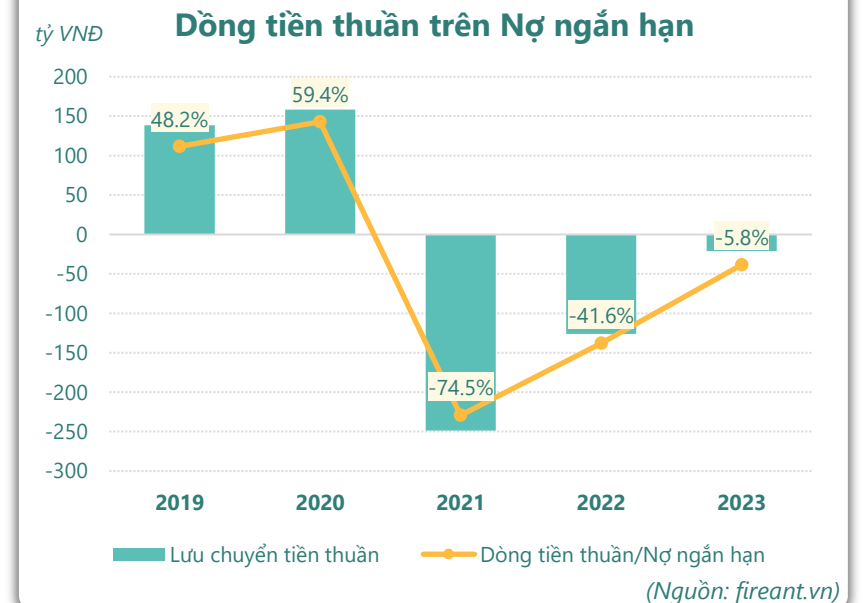
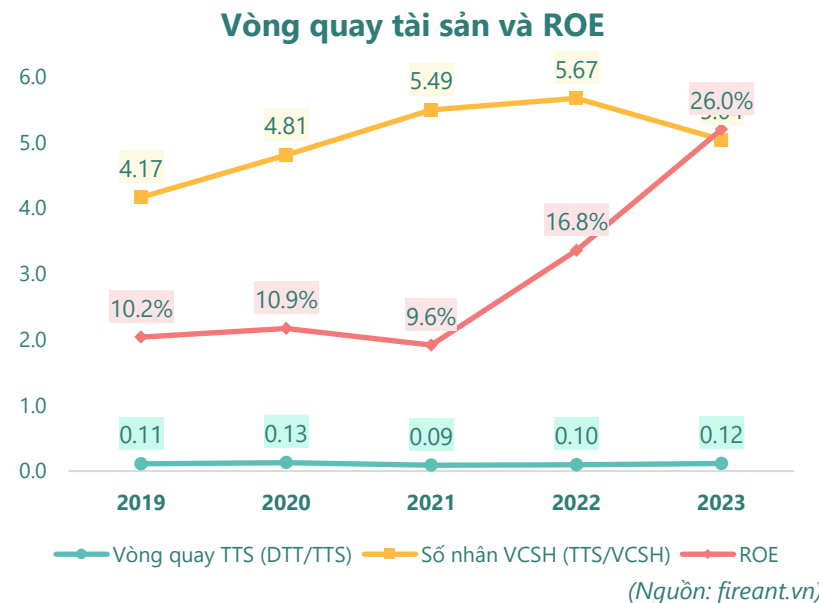
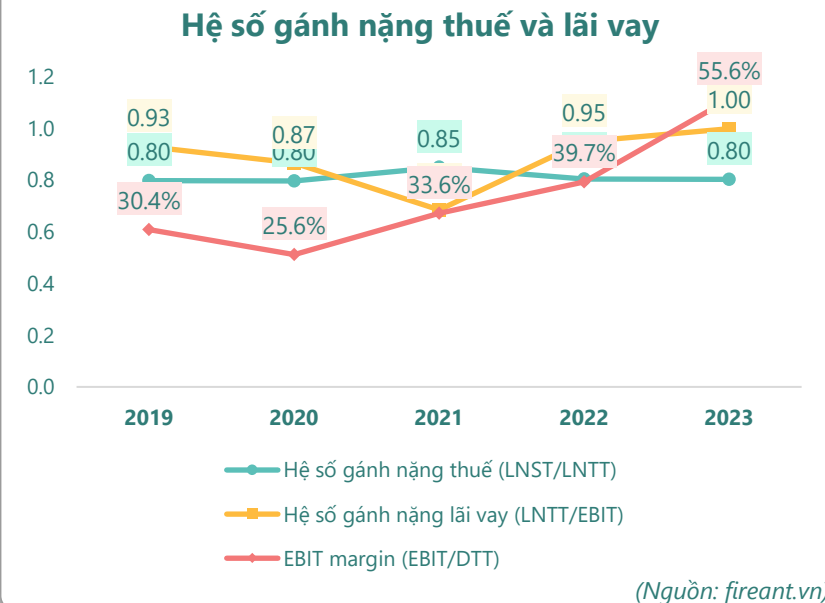
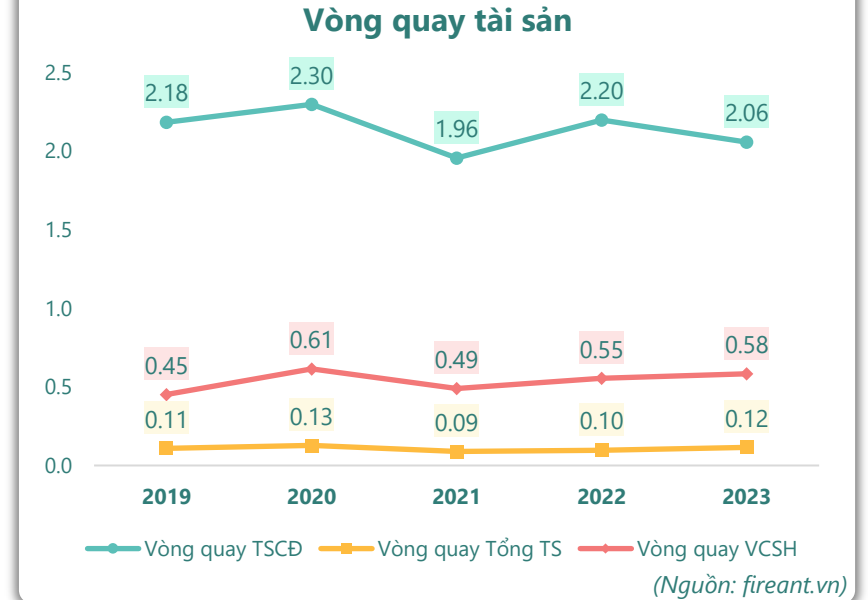
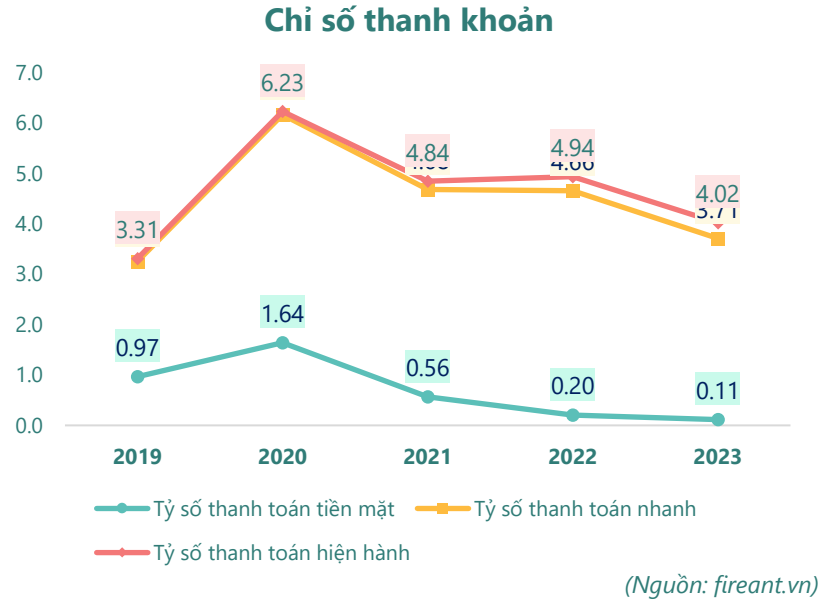
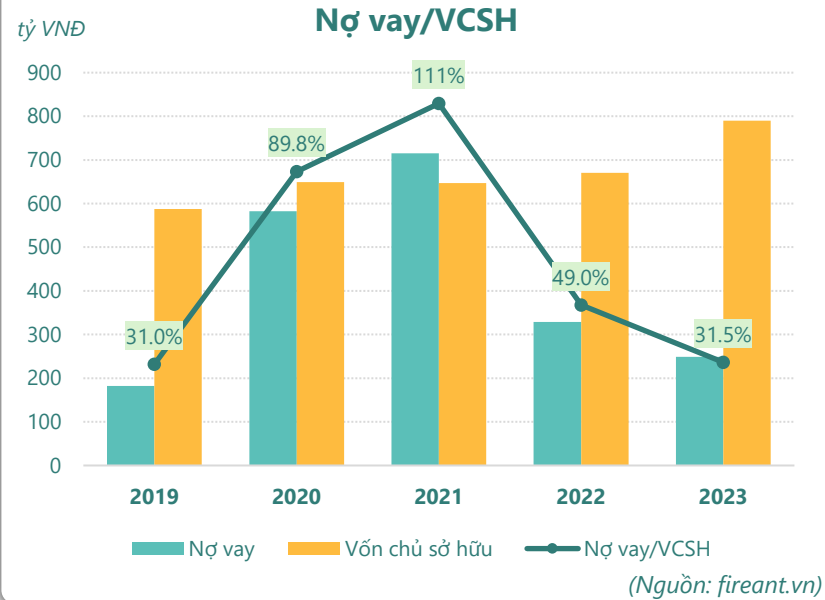
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	92.1	84.9	8.5%	425	365	16.5%
Giá vốn hàng bán	39.6	36.7	8.0%	167	172	-3.1%
Lợi nhuận gộp	52.5	48.1	9.2%	258	193	34.0%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.85	-86.1%	7.73	15.2	-49.1%
Chi phí TC	0.57	0.09	529%	0.84	7.36	-88.5%
Chi phí lãi vay	1.09	0.08	1267%	0.28	7.32	-96.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.72	0.96	-24.8%	3.47	16.5	-79.0%
Chi phí QLDN	5.67	6.13	-7.6%	33.8	46.9	-28.0%
LN thuần từ HĐKD	45.7	41.8	9.3%	228	137	66.2%
Lợi nhuận khác	0.00	0.11	-104%	8.42	0.43	1843%
LN trước thuế	45.7	41.9	9.0%	236	138	71.8%
Lợi nhuận sau thuế	36.5	33.5	8.9%	190	111	71.6%
LNST của CĐ cty mẹ	36.5	33.5	8.9%	190	111	71.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.61	25.2	107	-3.60	-892	-21.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.1	64.0	-93.9	37.3	871	273
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-54.8	-54.8	0	-50.1	-30.4	-259
Tiền đầu kỳ	139	62.0	96.4	110	93.3	41.2
Lưu chuyển tiền thuần	-76.5	34.4	13.3	-16.4	-52.1	-7.82
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	62.0	96.4	110	93.3	41.2	33.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	3,455	3,690	-6.4%
Tài sản ngắn hạn	1,234	1,447	-14.7%
Tiền và tương đương tiền	33.4	41.2	-19.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	290	219	32.7%
Phải thu ngắn hạn	794	1,070	-25.8%
Hàng tồn kho	115	112	2.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	4.31	-79.0%
Tài sản dài hạn	2,221	2,243	-1.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	240	244	-1.4%
Bất động sản đầu tư	1,272	1,288	-1.2%
Tài sản dở dang	28.3	28.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	680	683	-0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,628	2,900	-9.4%
Nợ ngắn hạn	203	360	-43.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	139	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.0	44.9	-71.1%
Nợ dài hạn	2,426	2,540	-4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	110	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	826	790	4.6%
Vốn chủ sở hữu	826	790	4.6%
Vốn điều lệ	549	549	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

